

## KẾT QUẢ CHĂM SÓC, ĐIỀU TRỊ TRẺ DƯỚI 2 TUỔI MẮC VIÊM TIỂU PHẾ QUẢN CẤP VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG NĂM 2020 - 2021

Ngô Thị Thanh Hoa

*Khoa Sức khỏe vị thành niên, Bệnh viện Nhi Trung ương*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Phân tích kết quả chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi mắc viêm tiểu phế quản cấp và một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu 150 bệnh nhi dưới 2 tuổi mắc viêm tiểu phế quản cấp điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Phương pháp nghiên cứu mô tả tiến cứu. **Kết quả:** Hoạt động theo dõi bệnh nhi của điều dưỡng: Khi vào viện và ra viện đạt trên 80%. Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng của điều dưỡng: Khi vào viện và ra viện đạt trên 90%. Hoạt động chăm sóc vệ sinh của điều dưỡng: Khi vào viện và ra viện đạt trên 88%. Hoạt động thực hiện y lệnh của điều dưỡng: Khi vào viện và ra viện đạt trên 78,7%. **Kết quả chăm sóc chung:** Chăm sóc "tốt" chiếm 87,3%, chăm sóc "chưa tốt" chiếm 12,7%. **Kết luận:** Hoạt động theo dõi, chăm sóc bệnh nhi và tư vấn của điều dưỡng tốt sẽ cho kết quả chăm sóc bệnh nhân tốt hơn.

**Từ khóa:** Viêm tiểu phế quản cấp, trẻ dưới 2 tuổi.

### ABSTRACT

#### TAKING CARE RESULTS FOR CHILDREN UNDER 2 YEARS OLD WITH ACUTE BRONCHIOLITIS AT THE NATIONAL HOSPITAL OF PEDIATRICS

**Objective:** Analyzing the results of taking care for children under 2 years old with acute bronchiolitis and some related factors. **Subjects and methods:** Examining 150 children under 2 years old got bronchiolitis, treated at the National Children's Hospital. Research method descriptive prospective. **Results:** Nurses' monitoring of pediatric patients: At hospital admission and discharge, over 80%. Nutritional care activities of nurses: At hospital admission and discharge, over 90%. Hygiene care activities of nurses: When entering the hospital and leaving the hospital, the rate is over 88%. The performance of nurses' medical orders: At hospital admission and discharge, over 78.7%. Overall care results: "good" care accounted for 87.3%, "not good" care accounted for 12.7%. **Conclusion:** Good nursing care and follow-up activities will lead to better patient care outcomes.

**Keywords:** Acute bronchiolitis, children under 2 years old.

---

Nhận bài: 10-1-2022; Chấp nhận: 25-2-2022

Người chịu trách nhiệm: Ngô Thị Thanh Hoa

Địa chỉ: Khoa Sức khỏe vị thành niên, Bệnh viện Nhi Trung ương

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Viêm tiểu phế quản cấp (VTPQC) là một bệnh viêm nhiễm cấp tính đường hô hấp dưới gây ra bởi một số loại virus. Theo Tổ chức Y tế thế giới, hàng năm, có khoảng 150 triệu ca mới mắc VTPQC, 11 - 20 triệu (7-13%), trong số đó là những trường hợp nặng, cần phải nhập viện [6].

Ở Việt Nam, VTPQC là bệnh phổ biến ở trẻ dưới 2 tuổi. Tỷ lệ trẻ bị VTPQC phải nhập viện tăng nhanh trong thời gian gần đây. Bệnh viện Nhi Trung ương là nơi tiếp nhận và điều trị bệnh nhi mắc VTPQC và những ca bệnh khó, bệnh hiểm của cả nước [2].

Việc xử trí trẻ mắc VTPQC đạt kết quả tốt không chỉ phụ thuộc vào chẩn đoán và điều trị của bác sĩ, mà còn phụ thuộc vào việc chăm sóc của điều dưỡng, nhằm phát hiện những dấu hiệu nặng để kịp thời xử trí và tránh những biến chứng suy hô hấp, tử vong. Vì vậy, nghiên cứu đề tài "Kết quả chăm sóc, điều trị trẻ dưới 2 tuổi mắc viêm tiểu phế quản cấp và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2020 - 2021" mang tính cấp thiết.

Mục tiêu nghiên cứu: *Phân tích kết quả chăm*

*sóc của điều dưỡng đối với bệnh nhi dưới 2 tuổi mắc VTPQC tại Bệnh viện Nhi Trung ương và một số yếu tố liên quan.*

**2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng nghiên cứu**

150 bệnh nhi dưới 2 tuổi được chẩn đoán VTPQC nhập viện và người chăm sóc bệnh nhi (bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ) tại khoa Nhi Tổng quát 1 và 2 - Trung tâm Chăm sóc sức khỏe ban đầu, Bệnh viện Nhi Trung ương, từ 11/2020 - 4/2021.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả tiến cứu. Mỗi bệnh nhi được chẩn đoán VTPQC nhập viện và người chăm sóc bệnh nhi được phỏng vấn trả lời câu hỏi bằng phiếu đánh giá theo mẫu được thiết kế sẵn tại thời điểm trẻ ra viện.

Số liệu được thu thập từ vào bệnh án nghiên cứu và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**3.1. Hoạt động theo dõi, chăm sóc người bệnh của điều dưỡng**

**Bảng 1.** Hoạt động theo dõi, chăm sóc bệnh nhi của điều dưỡng (n = 150)

Biến số nghiên cứu		Ngày		
		N <sub>0</sub>	N <sub>1</sub>	N <sub>2</sub>
Theo dõi người bệnh	Tốt	140 (93,3%)	116 (77,3%)	127 (84,7%)
	Chưa tốt	10 (6,7%)	34 (22,7%)	23 (15,3%)
Chăm sóc dinh dưỡng	Tốt	139 (92,7%)	131 (87,3%)	143 (95,3%)
	Chưa tốt	11 (7,3%)	19 (12,7%)	7 (4,7%)
Chăm sóc vệ sinh	Tốt	136 (90,7%)	132 (88,0%)	135 (90,0%)
	Chưa tốt	14 (9,3%)	18 (12,0%)	15 (10,0%)

Biến số nghiên cứu		Ngày		
		N <sub>0</sub>	N <sub>1</sub>	N <sub>2</sub>
Thực hiện y lệnh	Tốt	125 (83,3%)	118 (78,7%)	133 (88,7%)
	Chưa tốt	25 (16,7%)	32 (21,3%)	17 (11,3%)

Hoạt động theo dõi người bệnh của điều dưỡng như: Đo dấu hiệu sinh tồn; theo dõi diễn biến bệnh; theo dõi và phát hiện dấu hiệu bất thường; xử trí kịp thời. Kết quả đạt "Tốt" khi vào viện là 93,3%, ngày thứ 3 là 77,3% và ngày ra viện là 84,7%.

Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng của điều dưỡng như: Theo dõi chế độ ăn; theo dõi, hỗ trợ cho trẻ ăn uống; theo dõi, hỗ trợ bà mẹ báo chế độ ăn tại khoa Dinh dưỡng. Kết quả đạt "Tốt" khi vào viện là 92,7%, ngày thứ 3 là 87,3% và ngày ra viện là 95,3%.

Hoạt động chăm sóc vệ sinh của điều dưỡng như: Theo dõi bà mẹ vệ sinh cho trẻ; hỗ trợ bà mẹ vệ sinh cá nhân cho trẻ; theo dõi, hỗ trợ bà mẹ vệ sinh mũi cho trẻ. Kết quả đạt "Tốt" khi vào viện là 90,7% ngày thứ 3 là 88% và ngày ra viện là 90%.

Hoạt động thực hiện y lệnh của điều dưỡng như: Thủ thuật phục hồi chức năng hô hấp; theo dõi làm xét nghiệm; làm xét nghiệm cận lâm sàng; thủ thuật hút đờm; kiểm tra 5 đúng; theo dõi dùng thuốc; thực hiện đúng y lệnh thuốc; theo dõi tác dụng không mong muốn của thuốc. Kết quả đạt "Tốt" khi vào viện là 83,3%, ngày thứ 3 là 78,7% và ngày ra viện là 88,7%.

Các kết quả trên phù hợp với tiến triển và tiên lượng của bệnh VTPQC ở trẻ, nếu được điều trị đúng, kịp thời, chăm sóc tích cực trẻ sẽ hồi phục từ 3 đến 5 ngày và khỏi bệnh sau 2 tuần kể từ khi bị bệnh. Kết quả trên cũng tương đương với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Thái (2021) tại Trung tâm Quốc tế, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2020 [5].

### 3.2. Hoạt động tư vấn của điều dưỡng

**Bảng 2.** Hoạt động tư vấn của điều dưỡng (n = 150)

Biến số nghiên cứu		Ngày		
		N <sub>0</sub>	N <sub>1</sub>	N <sub>2</sub>
Tư vấn hiểu biết về bệnh	Tốt	139 (92,7%)	133 (88,7%)	139 (92,7%)
	Chưa tốt	11 (7,3%)	17 (11,3%)	11 (7,3%)
Tư vấn chế độ vệ sinh	Tốt	135 (90,0%)	128 (85,3%)	132 (88,0%)
	Chưa tốt	15 (10,0%)	22 (14,7%)	18 (12,0%)
Tư vấn dinh dưỡng	Tốt	134 (89,3%)	129 (86,0%)	134 (89,3%)
	Chưa tốt	16 (10,7%)	21 (14,0%)	16 (10,7%)

## PHẦN NGHIÊN CỨU

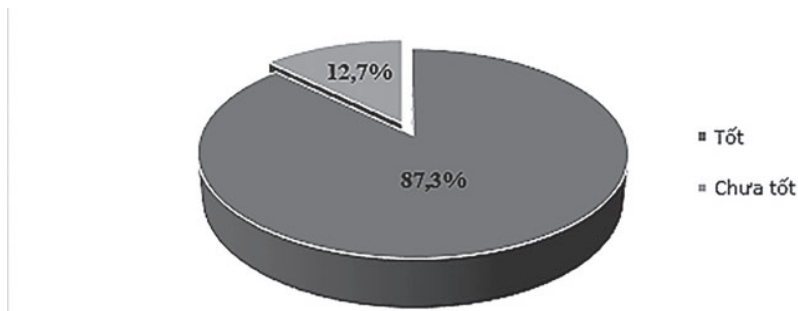
Biến số nghiên cứu		Ngày		
		N <sub>0</sub>	N <sub>1</sub>	N <sub>2</sub>
Tư vấn tuân thủ dùng thuốc	Tốt	137 (91,3%)	130 (86,7%)	138 (92,0%)
	Chưa tốt	13 (8,7%)	20 (13,3%)	12 (8,0%)

Hoạt động tư vấn hiểu biết về bệnh khi vào viện, ngày thứ 3 và ngày ra viện đạt yêu cầu tương ứng là 92,7%, 88,7% và 92,7%. Tư vấn chế độ vệ sinh khi vào viện, ngày thứ 3 và ngày ra viện đạt yêu cầu tương ứng là 90%, 85,3% và 88%. Tư vấn dinh dưỡng khi vào viện, ngày thứ 3 và ngày ra viện đạt yêu cầu tương ứng là 89,3%, 86% và 89,3%. Tư vấn tuân thủ dùng thuốc khi vào viện, ngày thứ 3 và ngày ra viện đạt yêu cầu tương ứng là 91,3%, 86,7% và 92%.

Việc tư vấn, giáo dục sức khỏe cho gia đình bệnh nhi thường được lồng ghép trong quá trình chăm sóc trẻ, hình thức tư vấn thường là

trực tiếp với người chăm sóc trẻ và chưa được tổ chức thực hiện một cách bài bản nên hiệu quả của việc tư vấn, giáo dục sức khỏe chưa đạt như mong muốn của gia đình bệnh nhi tỷ lệ đánh giá "Thực hiện chưa tốt" về công tác này còn tồn tại. Kết quả nghiên cứu trên cũng tương đương kết của Nguyễn Thị Hồng Thái (2021) tại Trung tâm Quốc tế, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2020; Nguyễn Bá Anh (2012) tại Bệnh viện Việt Đức; Nguyễn Hoa Pháp tại Trung tâm Tim mạch, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội [1], [4], [5].

### 3.3. Kết quả chăm sóc trẻ sau 7 ngày điều trị



**Biểu đồ 1. Kết quả chăm sóc trẻ sau 7 ngày điều trị**

Kết quả chăm sóc trẻ VTPQC của điều dưỡng, chăm sóc tốt chiếm 87,3%, chăm sóc chưa tốt chiếm 12,7%.

### 3.4. Mối liên quan giữa hoạt động theo dõi, chăm sóc, tư vấn của điều dưỡng với kết quả chăm sóc

**Bảng 3. Mối liên quan giữa hoạt động theo dõi, chăm sóc, tư vấn của điều dưỡng với kết quả chăm sóc (n= 150)**

Yếu tố liên quan		Kết quả chăm sóc		OR (KTC 95%)	P
		Chưa tốt n (%)	Tốt n (%)		
Chăm sóc dinh dưỡng	Chưa tốt	5 (45,5%)	6 (54,5%)	7,44 (2,01 – 27,55)	0,001
	Tốt	14 (10,1%)	125 (89,9%)		
	Tổng	19 (12,7%)	131 (87,3%)		
Chăm sóc vệ sinh	Chưa tốt	6 (42,9%)	8 (57,1%)	7,10 (2,13 – 23,63)	0,000
	Tốt	13 (9,6%)	123 (90,4%)		
	Tổng	19 (12,7%)	131 (87,3%)		
Thực hiện y lệnh	Chưa tốt	10 (40,0%)	15 (60,0%)	8,59 (3,01 – 24,53)	0,000
	Tốt	9 (7,2%)	116 (92,8%)		
	Tổng	19 (12,7%)	131 (87,3%)		
Tư vấn hiểu biết về bệnh	Chưa tốt	4 (36,4%)	7 (63,6%)	4,72 (1,24 – 18,04)	0,014
	Tốt	15 (10,8%)	124 (89,2%)		
	Tổng	19 (12,7%)	131 (87,3%)		
Tư vấn tuân thủ dùng thuốc	Chưa tốt	5 (38,5%)	8 (61,5%)	5,49 (1,58 – 19,10)	0,003
	Tốt	14 (10,2%)	123 (89,8%)		
	Tổng	19 (12,7%)	131 (87,3%)		

Những trẻ được điều dưỡng chăm sóc dinh dưỡng chưa tốt có kết quả chăm sóc chưa tốt cao gấp 7,44 lần những trẻ được chăm sóc dinh dưỡng tốt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Những trẻ được điều dưỡng chăm sóc vệ sinh chưa tốt có kết quả chăm sóc chưa tốt cao gấp 7,10 lần những trẻ được chăm sóc vệ sinh tốt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Những trẻ được điều dưỡng thực hiện y lệnh chưa tốt có kết quả chăm sóc chưa tốt cao gấp 8,59 lần những trẻ được thực hiện y lệnh tốt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Những trẻ được điều dưỡng tư vấn hiểu biết về bệnh chưa tốt có kết quả chăm sóc chưa tốt cao gấp 4,72 lần những trẻ được tư vấn hiểu biết về bệnh tốt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Những trẻ được điều dưỡng tư vấn tuân thủ dùng thuốc chưa tốt

có kết quả chăm sóc chưa tốt cao gấp 5,49 lần những trẻ được tư vấn tuân thủ dùng thuốc tốt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

So với các nghiên cứu khác [1], [4], [5], các kết quả nghiên cứu trên đánh giá một cách toàn diện và đầy đủ hơn về mối liên quan từ hoạt động theo dõi, chăm sóc người bệnh đến tư vấn của điều dưỡng đối với bệnh nhân, các kết quả có ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ .

#### 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

##### 4.1. Kết luận

Các hoạt động theo dõi, chăm sóc, tư vấn của điều dưỡng đều cho kết quả cao.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối liên quan giữa hoạt động theo dõi, chăm sóc, tư vấn

của điều dưỡng với kết quả chăm sóc bệnh nhân, các kết quả có ý nghĩa thống kê.

Kết quả chăm sóc chung: Tỷ lệ chăm sóc “tốt” chiếm 87,3%, chăm sóc “chưa tốt” chiếm 12,7%. Giữa hoạt động theo dõi, chăm sóc, tư vấn của điều dưỡng với kết quả chăm sóc có mối liên quan với nhau, nếu hoạt động theo dõi, chăm sóc bệnh nhân và tư vấn của điều dưỡng tốt sẽ cho kết quả chăm sóc bệnh nhân tốt hơn.

#### 4.2. Kiến nghị

Một là, tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn cho điều dưỡng về chăm sóc bệnh VTPQC tại các bệnh viện.

Hai là, tiến hành có hiệu quả các hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe cho người nhà bệnh nhi và cộng đồng có sự hiểu biết về mặt bệnh VTPQC.

Ba là, phối hợp chặt chẽ giữa các các bệnh viện trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm trong công tác khám, điều trị và chăm sóc bệnh VTPQC.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bá Anh (2012), “Đánh giá và sự hài

lòng của người bệnh về chất lượng chăm sóc của điều dưỡng tại một số khoa lâm sàng Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức”, Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng.

2. Bệnh viện Nhi Trung ương (2018), “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em”, cập nhật năm 2018, tr. 274-279.

3. Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Hà Nội (2020), “Viêm tiểu phế quản cấp ở trẻ em”, Bài giảng Nhi khoa tập 1, Sách đào tạo Đại học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr. 218-222.

4. Nguyễn Hoa Pháp (2016), “Mức độ hài lòng của người bệnh điều trị nội trú về chăm sóc điều dưỡng tại Trung tâm Tim mạch”, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Hồng Thái (2021), “Kết quả chăm sóc, điều trị trẻ viêm tiểu phế quản và một số yếu tố liên quan tại Trung tâm Quốc tế, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2020”, Luận văn thạc sĩ, Đại học Thăng Long.

6. World Health Organization (2013). Guidelines for the management of childhood illnesses.